

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2022/DS-ST

Ngày: 24 - 3 - 2022

*V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hụi.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Mai Trần Phúc

2- Ông Nguyễn Văn Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 171/2021/TLST, ngày 15 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/QĐST – DS ngày 12 tháng 01 năm 2022 và Thông báo hoãn phiên tòa số 01/TB-TA ngày 07 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1964; trú tại: Tổ 3, ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện ủy quyền của Bà R là chị Nguyễn Thụy Thúy A, sinh năm 1987; trú tại: Tổ 12, ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1969 và chị Lê Thị Phương K, sinh năm 1990; cùng trú tại: Số nhà 221, tổ 23, ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện ủy quyền của Bà R là chị An, Bà R vắng mặt có đơn, Bà T, chị K vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Nguyễn Thị R và Đại diện ủy quyền của Bà R là bà Nguyễn Thụy Thúy A vắng mặt có lời trình bày:*

Bà Nguyễn Thị R là chủ hội, chị Lê Thị Phương K có tham gia chơi hội như sau:

Chị Lê Thị Phương K có tham gia 03 dây hội do Bà R làm chủ. Hội khai cùng ngày 16-12-2020 âm lịch, tức ngày 28-01-2021, hội 3.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, mỗi dây gồm 13 phần. Hội mãn ngày 16-12-2021 âm lịch. Mỗi dây chị K tham gia 01 phần. Chị K bỏ thăm hốt hội đầu tiên cả 3 dây hội trên, số tiền hốt được 69.480.000 đồng (sáu mươi chín triệu bốn trăm tám chục ngàn đồng), sau khi trừ tiền hoa hồng. Khi hốt hội thì chị K có ký tên và Bà Nguyễn Thị Hồng T là mẹ chị K có ký tên bảo lãnh. Chị K và Bà T có cam kết sẽ đóng hội đầy đủ. Sau khi hốt hội xong thì chị K chỉ đóng lại 01 kỳ hội chết cho 3 dây hội trên, số tiền đóng là 9.000.000 đồng rồi ngưng luôn cho đến nay. Bà R đã choàng hội cho chị K 03 tháng, số tiền là 27.000.000 đồng, bà khởi kiện yêu cầu chị K và Bà T cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền hội đã choàng.

Đến ngày 19 tháng 11 năm 2021 Bà R khởi kiện bổ sung cho rằng đến nay chị K và Bà T cũng không đóng tiền hội cho bà nên bà khởi kiện yêu cầu chị K và Bà T trả toàn bộ số tiền hội cho đến khi mãn hội là 72.000.000 đồng.

Tổng số tiền hội Bà R yêu cầu chị K và Bà T trả là 99.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi

- Bị đơn chị Lê Thị Phương K và Bà Nguyễn Thị Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo tổ tụng nhưng vắng mặt tại phiên Tòa không lý do, không có lời trình bày. Bà T, chị K biết việc kiện của Bà R, các văn bản Tòa án tổng đạt cũng biết nhưng từ chối không nhận bất kỳ văn bản nào của Tòa án giao.

Do chị K, Bà T vắng mặt không lý do nên Tòa tiến hành các thủ tục tổng đạt các văn bản tổ tụng của Tòa theo quy định và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, giữ nguyên lời trình bày của Bà R và đại diện ủy quyền của Bà R.

Tại Tòa vị Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng có căn cứ theo quy định của pháp luật về việc tổng đạt cho các đương sự cũng như xác định tư cách tham gia tố tụng và trình tự, thủ tục tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 13, 16, 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị R, buộc chị Lê Thị Phương K có trách nhiệm trả số tiền 99.000.000 đồng cho Bà R. Ghi nhận Bà R không tính lãi.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị R và Đại diện ủy quyền của bà vắng mặt có đơn xin vắng mặt; Bà Nguyễn Thị Hồng T và chị Lê Thị Phương K vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị R khởi kiện yêu cầu Bà Nguyễn Thị Hồng T và chị Lê Thị Phương K trả số tiền nợ hui là 99.000.000 (chín mươi chín triệu) đồng tiền nợ hui.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với số tiền nợ hụi Bà R yêu cầu Bà T và chị K trả tiền hụi chết còn nợ 99.000.000 đồng. Các dây hụi này Bà R có danh sách hụi viên tham gia rõ ràng, chị K tham gia hụi với tên là “Lam Anh”, qua làm việc với các hụi viên cùng tham gia chơi các dây hụi này thì cũng xác nhận chị K có tên là “Lam Anh” và có tham gia hốt hụi đầu các dây hụi trên. Các giấy nhận tiền hụi do Bà R cung cấp tuy chưa được xác nhận của chị K là có ký nhận hay không nhưng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản về việc thu lý vụ án và yêu cầu khởi kiện của Bà R,

chị K hiện vẫn ở tại địa phương và biết việc Bà R kiện nhưng từ chối nhận các văn bản của Tòa và không đến tòa làm việc, không có ý kiến gì phản hồi về việc kiện trên là từ chối về quyền và nghĩa vụ của mình nên phải tự chịu trách nhiệm. Tòa căn cứ vào chứng cứ do Bà R cung cấp và lời khai của Bà R cùng người đại diện ủy quyền của Bà R trình bày để giải quyết vụ án là phù hợp.

Ba dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, gồm 13 phần, khui cùng ngày, đã mất, chị K hốt đầu, đóng được 1 kỳ hụi chết rồi ngưng luôn, như vậy còn nợ lại 11 kỳ hụi chết của ba dây hụi trên thành tiền là 99.000.000 đồng cần buộc chị K có trách nhiệm trả lại cho Bà R là có căn cứ.

Đối với yêu cầu buộc Bà T là mẹ chị K cùng có trách nhiệm trả nợ hụi trên cho Bà R với tư cách là người bảo lãnh, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong các giấy nhận tiền hốt hụi của các dây hụi trên chỉ có 01 giấy có Bà T ký là người bảo lãnh, 02 giấy còn lại chỉ ký không ghi ký với tư cách gì và các chữ ký trong các giấy ký nhận trên của Bà T là không giống nhau, Bà T không đến tòa. Tư cách của người nhận bảo lãnh phải trả nợ khi nào người bị nợ là chị K không còn khả năng thanh toán nợ thì Bà R kiện Bà T ở vụ án khác để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Bà T. Hiện chị K vẫn ở tại địa phương, địa chỉ rõ ràng nên cần buộc chị K có trách nhiệm trả nợ cho Bà R là phù hợp.

Từ những phân tích trên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà R đối với chị K là phù hợp. Không chấp nhận yêu cầu của Bà R đối với Bà T mẹ chị K trả nợ. Ghi nhận Bà R không yêu cầu tính lãi.

Như vậy, chị K phải trả số tiền nợ hụi cho Bà R là 99.000.000 đồng. Ghi nhận Bà R không tính lãi.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà R và ông Hoài phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 13, 16, 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phúng; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị R về tranh chấp hợp đồng góp hụi đối với chị Lê Thị Phương K.

Buộc chị Lê Thị Phương K có trách nhiệm trả cho Bà Nguyễn Thị R số tiền nợ hụi là 99.000.000 (chín mươi chín triệu) đồng. Ghi nhận Bà R không yêu cầu tính lãi.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị R buộc Bà Nguyễn Thị Hồng T cùng trả nợ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người bị thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí:

Chị K phải chịu 4.950.000 đồng (bốn triệu chín trăm năm mươi ngàn) đồng án phí sơ thẩm dân sự.

Bà R không phải chịu án phí sơ thẩm dân. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí Bà R đã nộp tổng cộng 2.475.000 đồng theo các biên lai thu số 0007445 ngày 15 tháng 6 năm 2021 và biên lai thu số 0016934 ngày 19 tháng 11 năm 2021. Bà R được nhận lại số tiền trên.

Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA***

Nơi nhận:

- Đương sự;***
- Viện kiểm sát ND cùng cấp;***
- THA Dân sự huyện C***
- Lưu hồ sơ;***
- Lưu tập án.***

Cái Thị Minh Tâm